

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03-6-2025

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tổng Nê, Bà Âu Thị Kiều Sương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kinh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

Ngày 03 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 655/2024/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 15/5/2025. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Hồng NĐ, sinh năm 1983 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp ĐN, xã LQ, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Trần Chí BĐ, sinh năm 1977 (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: số 313/1 ấp PH, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng NĐ trình bày: chị và anh Trần Chí BĐ kết hôn năm 2004 trên cơ sở quen biết, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, anh chị chỉ hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã ly thân đến nay 07 năm, nay không còn tình cảm và không thể tiếp tục tình trạng hôn nhân nên chị NĐ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh BĐ.

Về con chung: chị và anh BĐ có 02 con chung tên Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 29/9/2004 và Trần Thị Huỳnh T, sinh ngày 07/8/2006 hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: chị và anh BĐ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị NĐ xác định giữa chị và anh BĐ không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ngày 07/5/2025, anh Trần Chí BĐ trình bày: anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng NĐ. Về nuôi con chung: anh chị có 02 con chung là Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 29/9/2004 và Trần Thị Huỳnh T, sinh ngày 07/8/2006 đã trưởng thành, có khả năng lao động. Về tài sản chung giữa anh và chị NĐ thì anh và chị NĐ sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giữa anh và chị NĐ không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Bị đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng NĐ đối với anh Trần Chí BĐ, thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng NĐ và anh Trần Chí BĐ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị NĐ xác định giữa anh chị có mâu thuẫn trong hôn nhân, bất đồng quan điểm sống và đã ly thân nhiều năm. Nay chị NĐ yêu cầu ly hôn, anh BĐ đồng ý ly hôn nên căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn của chị NĐ và anh BĐ.

Về nuôi con chung: chị NĐ và anh BĐ có 02 con chung là Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 29/9/2004 và Trần Thị Huỳnh T, sinh ngày 07/8/2006 hiện cả hai đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung và về nợ chung: Do các đương sự tự thỏa thuận về tài sản chung, tự trình bày không có nợ chung và cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của chị NĐ và anh BĐ trong cùng vụ án.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Hồng NĐ là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng NĐ và anh Trần Chí BĐ.

[2] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng NĐ và anh Trần Chí BĐ có 02 con chung là Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 29/9/2004 và Trần Thị Huỳnh T, sinh ngày 07/8/2006 hiện cả hai đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

[3] Về tài sản chung và về nợ chung: không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của chị Nguyễn Thị Hồng NĐ và anh Trần Chí BĐ trong cùng vụ án do các đương sự tự thỏa thuận về tài sản chung, tự trình bày không có nợ chung và cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Hồng NĐ phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006345 ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Phước
(Số 33, ngày 31/5/2004);
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lăng